

EVALUATING THE IMPACT OF MICROFINANCE ON INCOMES OF POOR HOUSEHOLDS IN QUANG BINH PROVINCE

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA TÀI CHÍNH VI MÔ ĐẾN THU NHẬP CỦA HỘ NGHÈO Ở TỈNH QUẢNG BÌNH

Nguyễn Thị Kim Phụng
Trường Đại học Quảng Bình

ABSTRACT: *The research was about the impact of microfinance on incomes of poor households in Vietnam, using the quantitative research methods, applying STATA 14 software, with cross - sectional Data gathered from the Survey of Living standards in 2020. The results of regression analysis show that the factors affecting the income of poor households in Quang Binh are age, household size, dependency ratio, total assets, micro-credit and the region. Based on the research results, the author propose appropriate solutions to improve the performance of microfinance to help poor households in Quang Binh have access to loans to improve their income.*

Keywords: *Microfinance, poor, Quang Binh, income.*

TÓM TẮT: *Nghiên cứu về tác động của tài chính vi mô (TCVM) đến thu nhập của hộ nghèo ở Quảng Bình, sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng, ứng dụng phần mềm STATA 14, với dữ liệu chéo được thu thập từ bộ dữ liệu kết quả khảo sát mức sống dân cư 2020. Kết quả phân tích hồi quy cho thấy các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của hộ nghèo ở Quảng Bình gồm: tuổi, quy mô hộ, tỷ lệ phụ thuộc, tổng tài sản, tín dụng vi mô và khu vực. Từ kết quả nghiên cứu, tác giả đưa ra các giải pháp phù hợp để nâng cao hơn nữa hoạt động của TCVM, nhằm giúp hộ nghèo ở Quảng Bình có điều kiện tiếp cận nguồn vốn vay để cải thiện thu nhập.*

Từ khóa: *Tài chính vi mô, nghèo, Quảng Bình, thu nhập.*

1. GIỚI THIỆU

Những năm gần đây, công tác xóa đói giảm nghèo, nâng cao thu nhập của người nghèo ở tỉnh Quảng Bình có nhiều bước tiến đáng kể, trong đó có sự đóng góp không nhỏ của các tổ chức tài chính vi mô (TCVM). Theo đó, các công trình nghiên cứu đánh giá tác động của TCVM hỗ trợ giảm nghèo, cải thiện điều kiện sống cho những người nghèo luôn được nhấn mạnh và quan tâm. Một số nghiên cứu đã chứng minh được mối quan hệ tích cực giữa tín dụng và thu nhập của người nghèo đã được đề cập trong nhiều nghiên cứu như World Bank (2004) [4], Khandker (2006) [8],

Nguyễn Trọng Hoài (2006) [1] và Morduch (2006)[3]. Nghiên cứu của Khandker (2006) đã chỉ ra rằng tín dụng làm tăng tính tự chủ cho hộ nghèo và giảm tác động của những bất ổn kinh tế. Những nghiên cứu của Margaret Madajewicz (1999) [7] ở Bangladesh và Copestake, James, Bhalotra, Sonia and Johnson (2000) ở Zambia nhận thấy việc cho người nghèo vay vốn sẽ giúp họ có vốn kinh doanh để thoát nghèo. Lê Việt Phương (2012) [3] nghiên cứu về tác động của TCVM đến khả năng thoát nghèo của hộ gia đình nghèo tại huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh. Tác giả khảo sát 250 mẫu ngẫu nhiên đại diện cho

những hộ nghèo tham gia TCVM trên phạm vi toàn huyện Bình Chánh, kết quả nghiên cứu đã cho thấy 2 nhóm nhân tố có tác động tích cực đến khả năng thoát nghèo của hộ đó là nhóm nhân tố thuộc bản thân hộ gia đình nghèo (trình độ học vấn và số người có việc làm trong hộ) và nhóm nhân tố thứ 2 (tổng số tiền vay, số lần tham gia tập huấn và mục đích sử dụng vốn) đóng góp 10,1% cho việc thoát nghèo. Nghiên cứu của Nguyễn Trọng Hoài và cộng sự (2005) [1] đã thu thập số liệu từ 640 hộ nông dân ở Ninh Thuận và 619 hộ nông dân ở Bình Phước làm nguồn số liệu chính để giải thích nguyên nhân ảnh hưởng tới nghèo đói của hộ nông dân. Kết quả của nghiên cứu cho thấy khi các yếu tố khác không thay đổi, với xác suất nghèo của một hộ gia đình là 30% ở Ninh Thuận cho thấy nếu hộ này được vay vốn tín dụng chính thức thì xác suất nghèo của hộ sẽ giảm xuống 20,7%. Ở Bình Phước, cho thấy nếu hộ này được vay vốn tín dụng chính thức thì xác suất nghèo của hộ sẽ giảm xuống 29%. Như vậy, đã có nhiều nghiên cứu ở cấp độ tổng thể về tác động của TCVM đến thu nhập của người nghèo. Nghiên cứu tác động của TCVM đến thu nhập của người nghèo tại tỉnh Quảng Bình đã chỉ ra 9 yếu tố tác động đến thu nhập của người nghèo tại tỉnh Quảng Bình trong đó có 6 biến có ý nghĩa thống kê ở mức 1%, 5%, 10% và 3 biến không có ý nghĩa thống kê. Nghiên cứu đóng góp, bổ sung thêm vào hệ thống lý luận và kiến thức thực tiễn về tác động của TCVM đối với

người nghèo nói chung và tỉnh Quảng Bình nói riêng.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đối tượng nghiên cứu trong nghiên cứu này là những hộ nghèo, được xếp theo diện hộ nghèo của địa phương. Tổng số hộ nghèo vay vốn năm 2020 là 6.884 hộ, có 982 hộ điều tra lặp lại 2014 (bao gồm hộ nghèo và hộ không nghèo), trong số này có 413 hộ nghèo (có vay và không vay). Từ 413 hộ nghèo này, tác giả lọc ra được 128 hộ nghèo có vay vốn.

Trong bài viết tác giả sử dụng phương pháp phân tích thống kê, thu thập số liệu từ các báo cáo để phân tích tổng quan tình hình hoạt động của các tổ chức TCVM, xử lý số liệu từ bộ dữ liệu Kết quả khảo sát mức sống dân cư 2020. Sử dụng phần mềm phân tích số liệu STATA 14 để đánh giá tác động của TCVM đến thu nhập của hộ nghèo ở Quảng Bình.

3. MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU

3.1. Mô hình nghiên cứu

Sau khi tiến hành tham khảo tài liệu trong và ngoài nước, tác giả đã đề xuất mô hình nghiên cứu tác động của TCVM đến thu nhập của người nghèo bao gồm Biến phụ thuộc Y (thu nhập bình quân hộ gia đình) và các biến độc lập bao gồm tuổi của chủ hộ, giới tính của chủ hộ, trình độ học vấn của chủ hộ, quy mô hộ gia đình, tỷ lệ phụ thuộc, tổng tài sản của hộ, tín dụng vi mô, nơi vay vốn của hộ và khu vực sinh sống của hộ.

Bảng 1. Diễn giải biến trong mô hình nghiên cứu

Ký hiệu	Tên biến	Cơ sở chọn biến	Kỳ vọng dấu
Y: Biến phụ thuộc (Thu nhập bình quân (Nghìn đồng/người/tháng))			
Các biến độc lập			
Các biến độc lập	Biến thể hiện độ tuổi của chủ hộ	Lê Việt Phương (2012)	+
X2	Biến thể hiện giới tính của chủ hộ (Nam = 1, nữ = 0)	Lê Việt Phương (2012)	+
X3	Biến thể hiện trình độ học vấn của chủ hộ	Lê Việt Phương (2012)	+
X4	Biến thể hiện quy mô hộ gia đình	Nguyễn Trọng Hoài (2005)	-
X5	Biến thể hiện tỷ lệ phụ thuộc	Nguyễn Trọng Hoài (2005)	-
X6	Biến thể hiện tổng tài sản của hộ	Nguyễn Trọng Hoài (2005)	+

X7	Biến thể hiện số tiền vay của hộ	Hulme và Mosley (1996) và Shame (2004)	+
X8	Biến thể hiện nơi vay vốn của hộ	Shame (2004)	+
X9	Biến thể hiện khu vực sinh sống của hộ	Nguyễn Trọng Hoài (2005)	+

(Tổng hợp của tác giả, 2022)

3.2. Kết quả phân tích

3.2.1. Kết quả thống kê mô tả

Bảng 2. Kết quả thống kê mô tả

Biến số	Đơn vị tính	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất	Giá trị trung bình
Giá trị vay	Triệu đồng	0	30	10,8
Tuổi	năm	21	68	44,5
Lao động	người	0	15	2,5
Thời hạn	tháng	10	18	12,9
Lãi suất	%/năm	1,2	21	13,5

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu 2022)

Thống kê mô tả mẫu khảo sát của mô hình được trình bày cho thấy tuổi của khách

hàng bình quân ở địa bàn nghiên cứu là 44 tuổi nằm trong khoảng từ 21 - 68, cho thấy khách hàng chủ yếu là những người đã có gia đình, thường là những người chủ phải lo kinh tế gia đình và có kinh nghiệm trong hoạt động sản xuất, kinh doanh. Số người trong độ tuổi lao động trong gia đình của khách hàng trung bình là 2 người, có những gia đình có số người trong độ tuổi lao động cao nhất là 15 người, cá biệt có gia đình không có người nào trong độ tuổi lao động. Điều này phần nào cho thấy đối tượng khách hàng vay vốn của tổ chức TCVM không chỉ là những người lao động mà bao gồm cả những đối tượng yếu thế khác trong xã hội như người già, người mất khả năng lao động. Trong 128 phiếu điều tra khách hàng có 122 khách hàng vay được vốn từ các tổ chức TCVM (chiếm 95,31%) khách hàng được điều tra. Trong số đó giá trị khoản vay trung bình của khách hàng là gần 11 triệu đồng, giá trị khoản vay lớn nhất là 30 triệu đồng. Phù hợp với quy định tại Điều 7, Thông tư số 07/2009/TT-NHNN có quy định: “tổng dư nợ cho vay của tổ chức tài chính quy mô nhỏ đối với một khách hàng tài chính quy mô nhỏ không được vượt quá 30 triệu đồng”. Thời hạn các khoản vay trung bình là 13 tháng, ngắn nhất là 10 tháng và dài nhất là 18 tháng. Điều này phù hợp với đặc điểm của TDVM là cho vay những khoản tín dụng có quy mô nhỏ nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng, đáp ứng nhu cầu vốn lưu động của khách hàng sản xuất, kinh doanh có quy mô nhỏ. Lãi suất các khoản vay trung bình 13,5 % là tương đối phù hợp với mặt bằng lãi suất cho vay

trên thị trường giai đoạn 2016-2020.

2.3.2. Kết quả hồi quy

Nhìn vào Bảng 3 kết quả hồi quy, ta thấy có bảy biến có tác động cùng chiều với thu nhập bình quân (TNBQ) và hai biến có tác động ngược chiều với TNBQ, cả chín biến này đều có dấu đúng với kỳ vọng dấu ban đầu. Có sáu biến có ý nghĩa thống kê ở mức 1%, 5%, 10% và ba biến không có ý nghĩa thống kê.

Hệ số hồi quy của biến tuổi có giá trị là 0,0041 nghĩa là trong điều kiện các yếu tố khác không đổi, khi tăng thêm một tuổi thì TNBQ của hộ sẽ tăng thêm 0,41%. Tuổi có mối quan hệ cùng chiều với TNBQ, đúng với kỳ vọng dấu ban đầu (+). Trên thực tế, những người lớn tuổi sẽ có nhiều kinh nghiệm, chín chắn và thận trọng trong sản xuất kinh doanh hơn những người có tuổi đời trẻ hơn.

Hệ số hồi quy của biến qui mô hộ có giá trị là - 0,0723 nghĩa là trong điều kiện các yếu tố khác không đổi, khi qui mô hộ tăng thêm một người thì TNBQ của hộ sẽ giảm đi 7,23%. Kết quả nghiên cứu này phù hợp với lý thuyết kinh tế phát triển, qui mô hộ càng tăng thì TNBQ của hộ càng giảm. Theo khảo sát thực tế, hộ có qui mô từ 3 đến 4 người chiếm tỷ lệ cao nhất 45,5%, hộ có qui mô hộ trên 5 người chiếm tỷ lệ 39%, còn lại là hộ có qui mô từ 1 đến 2 người chiếm tỷ lệ thấp nhất 15,5%. Những người nghèo thường có qui mô hộ lớn hơn so với người khá giả, dẫn đến nghèo càng nghèo, qui mô hộ có mối quan hệ trái chiều với TNBQ, kết quả dấu đúng với kỳ vọng dấu ban đầu.

Bảng 3. Kết quả hồi quy mô hình nghiên cứu

Biến	Hệ số hồi quy (β)	Sai số chuẩn	Thống kê t
X1	0,0041**	0,0020	1,99
X2	0,1098	0,0807	1,36
X3	0,0075	0,0083	0,90
X4	-0,0723***	0,0184	-3,89
X5	-0,2251*	0,1201	-1,94
X6	0,1420***	0,0380	3,74
X7	0,0000391***	5,42e-05	7,2
X8	0,1567	0,1042	1,5
X9	0,2253*	0,1363	1,65
Hằng số	4,9328	0,4213	11,34

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu 2022)

Chú thích: *, **, *** tương ứng với các mức ý nghĩa 1%, 5% và 10%.

Tỷ lệ phụ thuộc có ảnh hưởng lớn đến TNBQ của hộ gia đình với mức ý nghĩa 1%. Tỷ lệ phụ thuộc có mối quan hệ ngược chiều với TNBQ, kết quả dấu đúng với kỳ vọng dấu ban đầu (-). Hệ số hồi quy của biến tỷ lệ phụ thuộc có giá trị là - 0,2251. Có hàm ý, trong điều kiện các yếu tố khác không đổi, khi tỷ lệ phụ thuộc tăng thêm một đơn vị thì sẽ làm cho TNBQ của hộ giảm đi 22,51%. Việc làm là nền tảng căn bản của phát triển, tỷ lệ có việc làm tăng lên đóng góp quan trọng trong việc gia tăng thu nhập.

Tổng tài sản có tác động đến TNBQ của hộ gia đình với mức ý nghĩa 10%. Biến tổng tài sản có mối quan hệ cùng chiều với TNBQ. Đối với mỗi cá nhân, mỗi hộ gia đình, dù giàu hay nghèo thì yếu tố tổng tài sản đều rất quan trọng. Hệ số hồi quy của biến tổng tài sản có giá trị là 0,1420. Có ý nghĩa, trong điều kiện các yếu tố khác không đổi, khi tổng tài sản tăng thêm 1% thì

TNBQ của hộ sẽ tăng thêm 0,1420. Trong cuộc sống, yếu tố tài sản gần như là điều kiện tiên quyết, là yếu tố quan trọng để cá nhân hay hộ gia đình có thể tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

Biến tín dụng hộ nghèo có tác động đến TNBQ của hộ nghèo với mức ý nghĩa 10%. Biến này có kết quả đúng với kỳ vọng dấu ban đầu (+). Điều này cho thấy tín dụng hộ nghèo tạo ra TNBQ cao hơn so với tín dụng hộ nghèo nhất. Hệ số hồi quy của biến tín dụng hộ nghèo có giá trị là 0,0000391; có hàm ý, trong điều kiện các yếu tố khác không đổi, khi tín dụng hộ nghèo tăng thêm 1% thì TNBQ tăng lên là 0,00391%. Dựa vào lý thuyết về Sinh kế bền vững và thực tế có thể kết luận, người nghèo khi tiếp cận với nguồn vốn cần thiết để vận hành hoạt động sản xuất kinh doanh sẽ có cơ hội cải thiện thu nhập và phá vỡ vòng lẩn quẩn nghèo.

Biến khu vực có ảnh hưởng đến TNBQ của hộ gia đình với mức ý nghĩa 1%. Biến khu vực có mối quan hệ cùng chiều với TNBQ, đúng với kỳ vọng dấu ban đầu (+). Hệ số hồi quy của biến khu vực có giá trị là 0,2253. Trong điều kiện các yếu tố khác không đổi, hộ ở thành thị sẽ có TNBQ cao hơn hộ ở nông thôn 22,53%. Kết quả này cũng đúng với lý thuyết về Bất bình đẳng trong xã hội, hộ ở khu vực thành thị (chiếm tỷ lệ 8%) có TNBQ cao hơn so với hộ ở vùng nông thôn (chiếm tỷ lệ 92%). Thông thường những hộ ở nông thôn chủ yếu tập trung vào ngành nông nghiệp, không đòi hỏi kỹ năng và trình độ cao. Do vậy, TNBQ của hộ thường thấp hơn so với những hộ ở khu vực thành thị do hoạt động trong ngành

công nghiệp và dịch vụ.

4. KẾT LUẬN

Bằng phương pháp nghiên cứu định lượng xác định được sự tác động của TCVM đến thu nhập của hộ nghèo ở Quảng Bình thông qua các yếu tố tuổi chủ hộ, quy mô hộ, tỷ lệ phụ thuộc, tổng tài sản, số tiền vay và khu vực sinh sống của hộ. Trong đó, quy mô hộ gia đình và tỷ lệ phụ thuộc có mối quan hệ tỷ lệ nghịch với TNBQ của hộ.

Từ kết quả nghiên cứu các tổ chức TCVM cần có các chính sách quan tâm, hỗ trợ và hướng dẫn hộ nghèo vay vốn, lập kế hoạch sản xuất - kinh doanh, phát triển hệ thống TCVM thân thiện với người nghèo. Thường xuyên mở các lớp tập huấn, đào tạo nghề miễn phí, hội thảo trao đổi kinh nghiệm nhằm nâng cao trình độ giáo dục cho người nghèo, là chìa khóa giúp họ thoát nghèo một cách bền vững.

Kết quả nghiên cứu cho thấy hộ có tỷ lệ phụ thuộc cao thì TNBQ thấp. Giảm tỷ lệ phụ thuộc bằng cách đa dạng hóa việc làm cũng là một cách để cải thiện thu nhập cho người nghèo, các tổ chức TCVM nên phối hợp với chính quyền địa phương tạo thêm việc làm thông qua vay vốn phát triển ngành nghề vào lúc thời gian nhàn rỗi. Tuy nhiên, khi cho người nghèo vay vốn để phát triển ngành nghề cần được xem xét hỗ trợ cho phù hợp với đặc điểm từng vùng, từng hộ gia đình.

Bên cạnh đó, còn một số giải pháp nhằm nâng cao thu nhập cho hộ nghèo có hiệu quả trên thực tế như đẩy mạnh công tác tuyên truyền, khuyến khích người dân khai thác triệt để mọi tiềm năng, lợi thế của địa phương để phát triển kinh tế, tập trung đẩy

mạnh phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp của tỉnh. Cùng với đó, các xã cũng xác định tiếp tục chú trọng xây dựng các mô hình sản xuất hàng hóa, quy mô lớn, có tính bền vững cao như các mô hình sản phẩm đặc thù của địa phương. Tận dụng nguồn vốn vay từ các tổ chức TCVM để tăng cường áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong trồng trọt, chăn nuôi, góp phần thúc đẩy kinh tế của địa phương ngày càng phát triển.

Bên cạnh đó, để giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực của số người phụ thuộc, chính quyền địa phương cần có giải pháp về đào tạo nghề, tạo việc làm phù hợp cho người có khả năng lao động để giảm tỷ lệ thất nghiệp, sống phụ thuộc trong các hộ nghèo.

Để giảm thiểu ảnh hưởng ngược chiều của kỳ hạn tới thu nhập của hộ nghèo, các hộ nghèo khi vay nên chọn các khoản vay với kỳ hạn ngắn và hết chu kỳ vay vốn đầu tiên hãy tiếp tục vay cho đến khi những khoản vay này phát huy tác dụng, không nên chọn vay kỳ hạn dài.

Để giảm ảnh hưởng của rủi ro từ môi trường, chính quyền tỉnh Quảng Bình cần có các giải pháp mạnh mẽ hơn để giảm thiểu tác động từ thiên tai, dịch bệnh như làm tốt công tác dự báo thiên tai, lũ lụt.

Đồng thời, vai trò của Nhà nước là rất quan trọng, nhất là ở việc xây dựng hệ thống pháp lý, các thể chế tài chính, nhằm tạo ra khuôn khổ pháp lý đồng bộ để các tổ chức TCVM hoạt động hiệu quả. Ngân hàng Nhà nước cần có chính sách để hỗ trợ các tổ chức TCVM về nguồn vốn để cho vay, vì hiện nay đầu ra thì có (cho vay) nhưng đầu vào (huy động vốn) thì vẫn còn hạn chế. Bên cạnh đó, chính quyền địa phương cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền đến đông

đào người dân biết và sử dụng dịch vụ TCVM. Thành lập các đoàn hội, nhóm trợ giúp để cùng hỗ trợ, học hỏi, trao đổi kinh nghiệm trong sản xuất, kinh doanh. Đặc

biệt chú trọng kiểm tra chặt chẽ và thường xuyên tình hình sử dụng vốn, đảm bảo nguồn vốn vay phải sử dụng đúng với mục đích sản xuất, kinh doanh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt:

- [1] Nguyễn Trọng Hoài (2005), *Nghiên cứu ứng dụng các mô hình kinh tế lượng phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến nghèo đói và đề xuất giải pháp xóa đói giảm nghèo ở Đông Nam Bộ*, Đề tài Khoa học và Công nghệ cấp Bộ, Trường ĐH Kinh tế TP.HCM.
- [2] Morduch, Jonathan (2005), *Hứa hẹn Tài chính vi mô*, Bản dịch của Chương trình Giảng dạy kinh tế Fullbright, TP.HCM.
- [3] Lê Việt Phương (2012), *Tác động của tài chính vi mô đến khả năng thoát nghèo của hộ gia đình nghèo tại huyện Bình Chánh*, Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Mở TP.HCM.
- [4] World Bank (2004), *Báo cáo phát triển thế giới 2004: Cải thiện dịch vụ để phục vụ người nghèo*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

Tiếng Anh:

- [5] Ayen, Y.W. (2016), *Impact of Microcredit Programs on Female Headed Households in Jimma Zone, Ethiopia*. *International Journal of Scientific and Research Publications*, Volume 6, Issue 1, 546, ISSN 2250-3153, January.
- [6] Copestake, James, Bhalotra, Sonia and Johnson (2005), *Assessing The Impact of Microcredit on Poverty: A Zambian Case study*, *Centre for the Development Studies*, University of Bath, UK.
- [7] Margaret Madajewicz (1999), *The Impact of Lending Programs on Poverty in Bangladesh*, Colombia University, Vol. 5(22), pp. 9760-976.
- [8] Khandker (2009), *Welfare Impacts of Rural Electrification: An Evidence from Viet Nam*, World Bank.
- [9] <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2022/06/ket-qua-khao-sat-muc-song-dan-cu-viet-nam-nam-2020/>.

Liên hệ:

ThS. Nguyễn Thị Kim Phụng

Khoa Kinh tế - Du lịch, Trường Đại học Quảng Bình.

Địa chỉ: 18 Nguyễn Văn Linh, Đồng Hới, Quảng Bình

Email: phungqbu@gmail.com

Ngày nhận bài: 23/6/2022

Ngày gửi phản biện: 25/6/2022

Ngày duyệt đăng: 01/8/2023